

Ma trận đề kiểm tra Tiếng Việt giữa học kì 1 lớp 4

Mạch kiến thức, kỹ năng	Số câu Câu số Số điểm	Mức 1		Mức 2		Mức 3		Mức 4		Tổng
		TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1/Đọc hiểu văn bản.	Số câu	2				2				4
	Câu số	1,2				3,4				
	Số điểm	2				2				4
2/Kiến thức Tiếng Việt.	Số câu			2					1	3
	Câu số			5,6					7	
	Số điểm			2					1	3
Tổng	Số câu	2		2		2			1	7
	Số điểm	2		2		2			1	7

ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ I
MÔN: TIẾNG VIỆT (PHẦN ĐỌC) - LỚP 4
NĂM HỌC 2022 – 2023

A/. Kiểm tra đọc : (10 điểm)

I. Phần đọc tiếng: (3 điểm)

Giáo viên cho học sinh bốc thăm và đọc diễn cảm đoạn 1 của bài tập đọc.

1/ Người ăn xin (SGK TV4 tập 1, Tr 30)

2/ Một người chính trực (SGK TV4 tập 1, Tr 36)

3/ Những Hạt thóc giống (SGK TV4 tập 1, Tr46)

4/ Nỗi dẫn vật của An – dray – ca (SGK TV4 tập 1, Tr 55)

II. Phần đọc thầm: (7 điểm)

Giáo viên cho học sinh đọc thầm bài “*Nỗi dẫn vật của An-đrây-ca*” (SGK Tiếng Việt 4 tập 1 trang 55) và khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời.

Câu 1. An-đrây-ca sống với ai ?

- A. Sống với cha mẹ.
- B. Sống với ông bà
- C. Sống với mẹ và ông
- D. Sống một mình

Câu 2. Mẹ bảo An-đrây-ca làm gì ?

- A. Nấu thuốc.
- B. Đi mua thuốc
- C. Uống thuốc
- D. Đi thăm ông

Câu 3. Chuyện gì xảy ra khi An-đrây-ca mang thuốc về nhà ?

- A. Mẹ An-đrây-ca mừng rỡ
- B. Ông của An-đrây-ca đã qua đời
- C. Ông của An-đrây-ca đã hết bệnh
- D. Mẹ An-đrây-ca la mắng em.

Câu 4: Câu chuyện cho thấy cậu bé An-đrây-ca là người như thế nào?

- A. Là cậu bé thiếu trách nhiệm
- B. Là cậu bé hết lòng vì bạn bè
- C. Là cậu bé luôn có trách nhiệm
- D. Là cậu bé ham chơi

Câu 5. Từ nào sau đây đồng nghĩa với từ *nhân hậu* ?

- A. bất hòa
- B. hiền hậu
- C. lừa dối
- D. che chở

Câu 6. Từ nào sau đây là từ láy ?

- A. lặng im.
- B. truyện cổ.
- C. ông cha.
- D. cheo leo

Câu 7: Tìm từ đơn và từ phức trong câu sau:
Cậu là học sinh chăm chỉ và giỏi nhất lớp.
Từ đơn: ...
Từ phức: ...

PHÒNG GD&ĐT.....
TRƯỜNG TH.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ I
MÔN: TIẾNG VIỆT (PHẦN VIẾT) - LỚP 4
NĂM HỌC 2022 – 2023

B/. Kiểm tra viết : (10 điểm)

I/ Chính tả nghe viết: (3 điểm) 15 phút

Giáo viên đọc cho học sinh viết bài: “*Nỗi dẫn vật của An-đrây-ca*”. Trang 55 TV
4 tập 1. Đoạn viết: “*Từ đầu về nhà*”.

II/ Tập làm văn: (7 điểm) từ 30-35 phút

Em hãy viết thư cho một người bạn ở xa để thăm hỏi và kể cho bạn nghe về tình hình của lớp và trường em hiện nay.

HƯỚNG DẪN CHẤM
KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ I
MÔN: TIẾNG VIỆT(ĐỌC) - LỚP 4
NĂM HỌC 2022 – 2023

A/ KIỂM TRA ĐỌC

I/ Đọc thành tiếng (3 điểm)

Giáo viên cho điểm trên cơ sở đánh giá trình độ đọc thành tiếng theo những yêu cầu cơ bản về kĩ năng đọc ở học sinh lớp 4 theo 3 mức độ :

Điểm 3: Học sinh đọc trôi chảy, diễn cảm tốt, đảm bảo thời gian đọc.

Điểm 2: Học sinh đọc đảm bảo thời gian đọc, nhưng chưa nhấn giọng tốt.

Điểm 1: Học sinh đọc chưa đảm bảo thời gian đọc, chưa diễn cảm.

II/ Phần đọc thầm (7 điểm)

Câu	Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6
Đáp án	C	B	B	C	B	D
Điểm	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0

Câu 7: 1 điểm

Cậu là học sinh chăm chỉ và giỏi nhất lớp.

Từ đơn: Cậu/ là/ và/ giỏi/ nhất/ lớp/.

Từ phức: / học sinh/ chăm chỉ/

B/ KIỂM TRA VIẾT

I/ Chính tả (3 điểm)

- Bài viết chính tả (nghe đọc): 3 điểm (không mắc lỗi chính tả, chữ viết rõ ràng, sạch đẹp).

- Viết sai 4 lỗi chính tả thông thường trừ 1 điểm (sai 2 lỗi trừ 0,5 điểm).

- Trừ không quá 3 điểm.

- Bài viết không rõ ràng, sạch sẽ.. trừ 1 điểm toàn bài.

II/ Tập làm văn (7 điểm)

- Mở bài: 1 điểm

Viết được đầu thư

- Thân bài: 4 điểm.

Yêu cầu học sinh viết được:

Hỏi thăm về bạn.

Kể về bản thân cho bạn biết.

- Kết luận: 2 điểm.

Yêu cầu học sinh :

Lời chúc, lời hứa hẹn và kí tên

Giáo viên có thể cho điểm tùy theo mức độ bài làm của học sinh (Có thể cho điểm từ 0,5 – 1 – 1,5 đến 5 điểm)